TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CX** **TỈNH HT** Số:108/2017/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lâp- Tư do- Hanh phúc** *Cẩm Xuyên, ngày 28 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 136/2017/TLST/HNGĐ ngày 08/12/2017 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Trú quán: Thôn Tây Nguyên, xã Cẩm N, huyện CX, tỉnh HT

- Bịđơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987

Trú quán:Tổ 02, thị trấn Cẩm X, huyện CX, tỉnh HT

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, 53, 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7, Điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc các đ- ơng sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

* Về con cái: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau: Giao cháu Trần Thị Mai C, sinh ngày 09/02/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Văn Q

không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn Q có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

* Về tài sản:Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q thống nhất thỏa thuận trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập đ- ợc một số tài sản chung nh- ng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q thống nhất thỏa thuận trong quá trình chung sống vợ chồng có một số nợ chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia như trong biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng vào ngày 05/12/2017. Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q yêu cầu Tòa án ghi nhận vào Quyết định sự thỏa thuận của vợ chồng.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q thỏa thuận như sau:

- Anh Trần Văn Q có nghĩa vụ trả các khoản nợ:

Trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện CX số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát phát sinh.

Trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện CX số tiền 30.000.000 đồng và lãi phát phát sinh.

- Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả các khoản nợ:

Trả nợ cho anh Nguyễn Trọng T, trú quán: Thôn Tây Nguyên, xã Cẩm N, huyện CX, tỉnh HT số tiền 72.000.000 đồng không kể lãi phát sinh.

Trả nợ cho bà Hoàng Thị P, trú quán: Thôn Tây Nguyên, xã Cẩm N, huyện CX, tỉnh HT 3 chỉ vàng 24k, tương đương với 10.500.000 đồng không kể lãi phát sinh.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q thống nhất thỏa thuận chị T có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ trong 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CX,tỉnh HT, theo biên lai thu tiền số 002155 ngày 08/12/2017. Trả lại cho chị T 150.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HT;
- VKSND huyện CX;
- Chi Cục T.H.ADS huyện CX;
- UBND thị trấn Cẩm X
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN
THẨM PHÁN

Trần Thị Minh T